

UBND XÃ THANH YÊN
TRƯỜNG TH&THCS PA THƠM

Số: 51 /QĐ-TH&THCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pa Thơm, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, giao dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2025
của trường TH&THCS Pa Thơm – Xã Thanh Yên**

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 456/QĐ-UBND, ngày 30/10/2025 của UBND Xã Thanh Yên về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2025 .

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường TH&THCS Pa Thơm. *(Có biểu chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu nhà trường, bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Văn Thanh

Chương: 822

GIAO DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-THCS ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng

Trường TH&THCS Pa Thơm)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DV tính: VND

Số TT	Nội dung	Dự toán tăng
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.441.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.441.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.160.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.023.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	